

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM XUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~138~~ UBND-NN
Về việc giao báo cáo kết quả
thực hiện các chính sách khuyến khích
phát triển nông nghiệp nông thôn
6 tháng cuối năm 2015.

Cẩm Xuyên, ngày 4 tháng 11 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Để có cơ sở kiểm tra, nghiệm thu, phân bổ kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp nông thôn 6 tháng cuối năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2015 các nội dung chính sách theo Nghị Quyết 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh (*theo biểu gửi kèm*). Tổng hợp hồ sơ của các tổ chức, cá nhân và lập tờ trình đề nghị hỗ trợ.

2. Đối với các địa phương có nội dung hỗ trợ đóng mới tàu cá đã được hỗ trợ lần thứ nhất vào 6 tháng cuối năm 2014, lập tờ trình đề nghị hỗ trợ năm thứ hai kèm hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định của các tàu cá đó.

3. Nộp báo cáo, tờ trình và hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân về UBND huyện (*qua phòng NN&PTNT*) chậm nhất ngày **20/11/2015** để tổng hợp, lên kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu, tham mưu đề xuất UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí.

Đoàn kiểm tra của Ủy ban nhân dân huyện sẽ tổ chức kiểm tra thực tế tại các xã, thị trấn (*lich cụ thể sẽ thông báo sau*). Đoàn chỉ kiểm tra các nội dung đã được các xã thị trấn kiểm tra, báo cáo và có hồ sơ tại phòng NN&PTNT.

Nhận được Công văn yêu cầu Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Các PCT UBND huyện;
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT, NN.



**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH
PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2015 THEO NGHỊ QUYẾT 90 CỦA HĐND TỈNH**

ĐVT: nghìn đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Mức hỗ trợ	KP đề nghị hỗ trợ	Trong đó		Địa điểm thực hiện
						NS tỉnh (90%)	NS cấp huyện (10%)	
A CHÍNH SÁCH CHUNG								
I Hỗ trợ hạ tầng ngoài hàng rào								
Tổng								
1.1	Đường giao thông	vùng, cơ sở		50% kinh phí, tối đa 150 tr.đ/cs; 70% kp, tối đa 750 tr.đ/vùng chăn nuôi tập trung, 500 tr.đ/vùng nuôi tôm				
1.2	Đường điện			50% kinh phí, tối đa 150 tr.đ/cs; 70% kp, tối đa 750 tr.đ/vùng chăn nuôi tập trung, 500 tr.đ/vùng nuôi tôm				
1.3	Nước phục vụ sx và sinh hoạt			50% kinh phí, tối đa 50 tr.đ/cs; 70% kp, tối đa 250 tr.đ/vùng chăn nuôi tập trung, 150 tr.đ/vùng nuôi tôm				
1.4	Hệ thống công trình xử lý mt			70% kinh phí, tối đa 250 tr.đ/vùng chăn nuôi tập trung, 100 tr.đ/vùng nuôi tôm; 50 tr.đ/cs				
1.5	Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng đường giao thông, điện nước, xử lý môi trường đến hàng rào cơ sở cho các cơ sở giết mổ tập trung có công suất từ 30 con gia súc hoặc 500 gia cầm trở lên	cơ sở		50% kinh phí, tối đa 200 tr.đ/cs				
2	Củng cố và phát triển các loại hình tổ chức sản xuất							

2.1	Tổ hợp tác (Có từ 10 thành viên tham gia trở lên, có HĐ liên kết)	THT	7 tr.đ/THT			
2.2	Tổ hợp tác khai thác	THT	30 tr.đ/THT			
2.3	Nghịệp đoàn nghề cá	ND	100 tr.đ/ND			
2.4	Hiệp hội	HH	20 tr.đ/HH			
B	TRỒNG TRỌT					
1	Lúa					
1.1	Chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác (lúa liên kết)		100% kp mua giống, 30% kp mua phân bón 20 tr. đ/ha, tối đa 100 tr.đ/tổ chức , cá nhân			
2	Nấm					
2.1	Hỗ trợ kinh phí mua giống nấm		20% tiền bịch giống 35.000 đồng/m ² , tối đa 10 tr.đ/hộ			
2.2	Hỗ trợ kinh phí làm lán trại	m ²				
3	Cơ giới hóa, VietGAP					
	Hỗ trợ kinh phí mua mới máy làm đất, máy gặt đập liên hợp cho HTX, THT	máy	40% kinh phí mua máy, tối đa không quá 400tr.đ/máy			
C	CHĂN NUÔI					
1	Lợn					
1.1	Cơ sở chăn nuôi lợn nái cấp ông bà, bố mẹ 300 con trở lên	con	5 tr.đ/nái bố mẹ			
	Lợn bố mẹ	con	7 tr.đ/nái ông bà 50.000 đồng/con lợn giống xuất bán hàng năm			
	Lợn ông bà	con	120.000 đồng/nái			
1.2	Hỗ trợ kinh phí XD quy hoạch chi tiết, xd hạ tầng chuồng trại, hệ thống nước, xử lý chất thải, bảo cáo đánh giá hoặc cam kết bảo vệ môi trường	cs	240 tr.đ/cs quy mô từ 500 đến dưới 1000 con; 360 tr.đ/cs quy mô trên 1000 con			

b	Quy mô 500 con đã được hưởng chính sách mở rộng thêm 500 con trở lên	cs	120 tr.đ/cs 7.50.000 đồng/con; với quy mô từ 20-50 con, 500.000 đ/con với quy mô từ 51-100 con, 400.000đ/cotrn với quy mô từ 101 đến dưới 500 con
c	Hộ chăn nuôi liên kết quy mô vừa và nhỏ, áp dụng mô hình quy chuẩn		
2	Chăn nuôi hươu 10 con trở lên	hộ	10 tr.đ/hộ
3	Gà		
3.1	Chăn nuôi gà giống quy mô 10.000 con trở lên	CS	300 tr.đ/cs
3.2	Chăn nuôi gà thương phẩm (thả vườn đồi, trên đất cát ven biển) từ 1000 con trở lên	hộ	10 tr.đ/hộ
4	Hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc gia cầm	Cơ sở	
4.1	Hỗ trợ xây dựng mới nhà xưởng, hệ thống xử lý chất thải, mua sắm thiết bị giết mổ	Cơ sở	đối với cơ sở có cs từ 30- dưới 70 con gia súc, 350 tr.đ/cs đối với cs có công suất >70 con gia súc/ngày đêm
4.2	Hỗ trợ kinh phí đánh giá tác động môi trường	Cơ sở	100 tr.đ/cs
4.3	Hỗ trợ kinh phí cam kết bảo vệ mt	Cơ sở	20 tr.đ/cs
D	LÂM NGHIỆP		
1	Trồng rừng nguyên liệu		
E	THỦY SẢN		
I	Về nuôi trồng thủy sản		
1.1	Đầu tư xây dựng mới ao hồ nuôi tôm thâm canh hoặc nâng cấp từ nuôi tôm quảng canh cải tiến sang thâm canh quy mô từ 01ha trở lên	cs, hộ	50% cp mua giống, quạt nước, máy bơm, tối đa 50 tr.đ/hộ, cs 50 tr.đ/mh nuôi trên sông, đập, hồ lớn; 60 tr.đ/mh nuôi trên biển
1.2	Nuôi cá lồng quy mô 90 m3 trở lên	mh	

2	Vệ khai thác thủy sản					
2.1	Đóng mới tàu cá					
a	Đóng mới tàu cá có công suất từ 90 cv đến dưới 250 cv	tàu	100 tr.đ/tàu/năm, thời gian hỗ trợ 2 năm			
b	Đóng mới tàu cá có công suất từ 250 cv đến dưới 400 cv	tàu	200 tr.đ/tàu/năm, thời gian hỗ trợ 2 năm			
c	Đóng mới tàu cá có công suất từ 400 cv trở lên	tàu	300 tr.đ/tàu/năm, thời gian hỗ trợ 2 năm			
2.2	Cải hoán tàu khai thác hải sản có công suất < 90 CV sang tàu có công suất từ 90 CV trở lên.		0,5 triệu đồng/CV tăng thêm			
	Tàu 1	CV				
	Tàu 2	CV				
2.3	Hỗ trợ mua máy thông tin liên lạc tầm xa cho THPT có 5 tàu có công suất từ 90 CV/ tàu trở lên	THHT	100% kp mua máy			
2.4	Hỗ trợ mua máy thông tin liên lạc tầm trung cho THPT có tàu có công suất từ 40- 90 CV/ tàu	THHT	100% kp mua máy			
2.5	Xây dựng hầm bảo quản sản phẩm khi đóng mới tàu dịch vụ hậu cần công suất từ 90 CV trở lên	m3	5tr.đ/m3, tối đa 150 tr.đ/tàu 100 tr.đ/cs cơ công suất từ 10 tấn/mé đến dưới 20 tấn/mé, 200 tr.đ/cs có công suất từ 20 tấn/mé trở lên.			
2.6	Xây dựng mới cơ sở SX nước đá phục vụ khai thác thủy sản	cơ sở				

Người lập

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)